

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, định mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 1796/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, định mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 215/BC-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, định mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, định mức khoán chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi đối với xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 75.000.000 đồng/văn bản;
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 30.000.000 đồng/văn bản.
- c) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 15.000.000 đồng/văn bản.

2. Mức chi quy định tại khoản 1 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng mức chi bằng mức chi cho xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi bằng 60% mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi bằng 30% mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nội dung chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Nội dung chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Nội dung chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật từ nguồn ngân sách nhà nước, được bố trí trong dự toán giao hàng năm cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối với các hoạt động chi cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa được thanh quyết toán theo Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND thì được thanh toán theo nội dung chi, định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVIII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Thăng An

Phụ lục I
NỘI DUNG CHI, ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ,
HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi (triệu đồng)	Ghi chú
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		45	60%
1	Tổng kết thi hành pháp luật; xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là Luật); Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Luật	Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật; báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; báo cáo đánh giá tác động của chính sách	4	
2	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	5	
3	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo Nghị quyết	15	
4	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản	4	
5	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	3	
6	Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân; cơ quan liên	Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ	4	

	quan	chức, cá nhân; cơ quan có liên quan		
7	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền	Văn bản thông báo/kết luận chủ trương	2	
8	Xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	4	
9	Tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn bản/Báo cáo tiếp thu, giải trình	4	
II	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		9	12%
1	Trường hợp họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định			
a	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Chi thành viên tham dự họp, Biên bản cuộc họp	3	
b	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức khác	Ý kiến bằng văn bản	2	
c	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	4	
2	Trường hợp tự thẩm định tối đa 100% bằng tổng mức chi nhiệm vụ thẩm định			
III	NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		6	8%
1	Tiếp nhận, kiểm tra, rà soát hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo/ý kiến rà soát của Văn phòng UBND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo	1	

2	Tham mưu tổ chức phiên họp UBND tỉnh hoặc lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh bằng phiếu/văn bản đối với nội dung trình	Giấy mời, tài liệu họp, công văn/phiếu lấy ý kiến	3	
3	Tổng hợp ý kiến thành viên UBND tỉnh; tham mưu xử lý các nội dung còn có ý kiến khác nhau; tham mưu ban hành thông báo kết luận hoặc thông báo ý kiến chỉ đạo	Báo cáo tổng hợp ý kiến; biên bản họp; thông báo kết luận hoặc thông báo ý kiến chỉ đạo	1	
4	Rà soát hồ sơ dự thảo sau khi tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến chỉ đạo; lập thủ tục trình hồ sơ dự thảo sau khi đủ điều kiện theo quy định	Hồ sơ dự thảo hoàn thiện; phiếu trình; hồ sơ trình ký	1	
IV	NHIỆM VỤ THẨM TRA, THÔNG QUA		15	20%
1	Chủ trì thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật			
a	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra	Công văn, kế hoạch hoặc giấy mời họp phục vụ thẩm tra	1	
b	Xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo văn bản	Báo cáo thẩm tra	9	
2	Phối hợp thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh	Báo cáo phối hợp thẩm tra	3	
3	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	2	

Phụ lục II**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ,
HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi (triệu đồng)	Ghi chú
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		24	80%
1	Tổng kết thi hành pháp luật; xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là Luật)	Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật; báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	3	
2	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	3	
3	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo Quyết định	7	
4	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản	2	
5	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	2	
6	Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân; cơ quan liên quan	Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cơ quan có liên quan	3	
7	Xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	2	

8	Tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn bản/Báo cáo tiếp thu, giải trình	2	
II	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		3,6	12%
1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Chi thành viên tham dự họp, Biên bản cuộc họp	1,6	
2	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức nếu có)	Ý kiến bằng văn bản	1	
3	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	1	
4	Trường hợp tự thẩm định tối đa 100% bằng tổng mức chi nhiệm vụ thẩm định			
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		2,4	8%
1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo/ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo	0,5	
2	Tham mưu tổ chức phiên họp UBND tỉnh hoặc lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh bằng phiếu/văn bản đối với nội dung trình	Giấy mời, tài liệu họp, công văn/phiếu lấy ý kiến	1	
3	Tổng hợp ý kiến thành viên UBND tỉnh; tham mưu xử lý các nội dung còn có ý kiến khác nhau; tham mưu ban hành thông báo kết luận hoặc thông báo ý kiến chỉ đạo	Báo cáo tổng hợp ý kiến; biên bản họp; thông báo kết luận hoặc thông báo ý kiến chỉ đạo	0,5	
4	Rà soát hồ sơ dự thảo sau khi tiếp thu, hoàn thiện theo	Hồ sơ dự thảo hoàn thiện; phiếu trình;	0,4	

	ý kiến chỉ đạo; lập thủ tục trình ký ban hành văn bản	hồ sơ trình ký		
--	---	----------------	--	--

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ,
HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Mức khoản chi (triệu đồng)	Ghi chú
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		12	80%
1	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	2	
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo Quyết định	3	
3	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản	1	
4	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	1	
5	Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân; cơ quan liên quan	Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cơ quan có liên quan	2	
6	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	1	
7	Xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	1	
8	Tiếp thu, giải trình ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn bản/Báo cáo tiếp thu, giải trình	1	
II	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		1,8	12%

1	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Chi thành viên tham dự họp, Biên bản cuộc họp	0,4	
2	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức nếu có)	Ý kiến bằng văn bản	1	
3	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	0,4	
4	Trường hợp tự thẩm định tối đa 100% bằng tổng mức chi thẩm định			
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		1,2	8%
1	Tiếp nhận, kiểm tra, rà soát hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; rà soát trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản	Báo cáo/ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo	0,5	
2	Tham mưu xử lý hồ sơ dự thảo; rà soát hồ sơ sau khi tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; Trình hồ sơ dự thảo sau khi đủ điều kiện theo quy định	Hồ sơ dự thảo hoàn thiện; Phiếu trình, hồ sơ trình ký	0,7	